

Bản án số: 85/2023/HSST

Ngày: 07/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tiến;
2. Ông Lê Văn Luận.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký TAND TP Thanh Hoá,

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Ông Trịnh Huy Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 89/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST - HS ngày 18 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo.

1. Lê Thị L (Tên gọi khác K), sinh năm 1991; tại Thanh Hóa. Nơi ĐKNKTT: D, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể S, Đại lộ L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: Lớp 10/12; Con ông Lê Đình P (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H; Chồng: Nguyễn Văn N; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 11/12/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 11/11/2010, đã nộp án phí HSST vào ngày 22/7/2009.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/9/2022 đến ngày 22/9/2022 chuyển tạm giam. Hiện, bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Mạnh L2; Sinh năm 1990, tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Giới tính: nam; Con ông: Phan Đình L3 và bà: Trần Thị Thanh T; Vợ: Lê Thị Kiều T2 (đã ly hôn), có 01 con, sinh năm 2009. Tiền án: không; Tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 10/8/2011, bị Công an thành phố Thanh Hoá xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/9/2022 đến ngày 22/9/2022 chuyển tạm giam. Hiện, bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Công T3; Sinh năm: 1995, tại Thành phố Hải Phòng. Nơi đăng ký HKTT: Thôn M, xã N, huyện C, Thành phố Hải Phòng. Chỗ ở hiện nay: N phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Giới tính: nam; Con ông: Lê Văn T (Đã chết) và bà: Hà Thị L; Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Ngày 29/11/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xử phạt 10 tháng tù về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 27/01/2021, đã nộp án phí HSST vào ngày 12/6/2020. Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/9/2022 đến ngày 22/9/2022 chuyển tạm giam. Hiện, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trịnh Thị Huyền T4; Sinh năm: 1987 tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT: C, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở hiện nay: L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Giới tính: Nữ; Con ông: Trịnh Bá L3 và bà: Hoàng Thị C; Chồng: Đỗ Hữu T5; Có 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2020. Tiền án: không; tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 18/5/2015, bị Công an phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hoá xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”; Ngày 14/01/2016, bị Công an phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hoá xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”; Ngày 30/9/2016, bị Công an thành phố Thanh Hoá xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/9/2022 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Hà Thành Đ; Sinh ngày: 04/10/1989 tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT: H, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở hiện nay: L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không. Giới tính: Nam; Con ông: Hà Hữu B và bà: Đỗ Thị T5; Vợ: Vũ Thị L (đã ly hôn) có 01 con, sinh năm 2013. Tiền án: không; Tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 26/6/2006, bị TAND thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 42 tháng về tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã nộp án phí HSST vào ngày 16/5/2007. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/9/2022 đến ngày 22/9/2022 chuyển tạm giam. Hiện, bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Trọng H, sinh năm 1993

Trú tại: N, phường N, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 15/9/2022, Trịnh Thị Huyền T4 nhắn tin cho Lê Công T3 rủ mua ma túy về sử dụng, Lê Công T3 đồng ý và một mình đi xe máy đến phòng trọ của Trịnh Thị Huyền T4. Tại đây, Lê Công T3 góp 300.000 đồng cho Trịnh Thị Huyền T4 để mua ma túy. Trịnh Thị Huyền T4 nhắn tin hỏi mua 03 viên ma túy (hồng phiến) của Lê Thị L. L đồng ý bán 03 viên hồng phiến cho Trịnh Thị Huyền T4. Trịnh Thị Huyền T4 nói Lê Công T3 đưa tiền cho Hà Thành Đ để đi mua ma túy. Sau đó Hà Thành Đ chở Lê Công T3 bằng xe máy đến Khu tập thể S, Đại lộ L, phường L, thành phố T rồi Lê Công T3 đứng đợi bên ngoài còn Hà Thành Đ đi bộ một mình đến phòng trọ của Lê Thị L để lấy ma túy. Đến nơi, Hà Thành Đ gọi cửa thì Phan Mạnh L2 mở hé cửa. Hà Thành Đ đưa 300.000 đồng cho Phan Mạnh L2, L2 nhận tiền và đưa cho Hà Thành Đ 01 túi nilon màu trắng viền đỏ, kích thước khoảng (2x4)cm, bên trong có chứa 03 viên nén hình trụ tròn, màu hồng đỏ (hồng phiến). Hà Thành Đ ra ngoài rồi lên xe cùng Lê Công T3 đi về đến Đại lộ L, phường L, thành phố T thì bị Tổ tuần tra do Công an phường Đông Tân phối hợp Công an phường Lam Sơn phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ của Hà Thành Đ và Lê Công T3 03 viên hồng phiến và 01 xe mô tô Honda Wave Alpha BKS màu xanh - đen - bạc, BKS 36B8-827.28.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thị L phát hiện, thu giữ: 01 túi nilon màu trắng viền đỏ, kích thước khoảng (3x6)cm, bên trong không chứa đồ vật gì; 01 gói giấy bạc, kích thước khoảng (2x2)cm, bên trong chứa 01 túi nilon màu trắng, kích thước (0,5x1)cm, bên trong chứa chất bột màu đỏ (thu giữ trong túi quần của Phan Mạnh L2 để dưới nền nhà).

Tại Kết luận giám định số 3229/KL-KTHS ngày 16/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- 03 viên nén màu hồng hình tròn của phong bì niêm phong mặt trước ghi “quả tang” gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,295gam, loại Methamphetamine.

- Chất bột màu đỏ của phong bì niêm phong mặt trước ghi “Lê Thị L” gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,227gam, loại Methamphetamine.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 túi nilon bên trong chứa 03 viên hồng phiến
- 01 điện thoại di động OPPO A55 của Lê Thị L.
- 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, bên trong lắp sim thuê bao 0942.608.532 của Lê Công T3.
- 01 điện thoại di động Iphone 6S màu vàng của Trịnh Thị Huyền T4.
- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 300.000 đồng, là số tiền thu lời từ việc bán ma túy, do Lê Thị L tự nguyện giao nộp.
- 10 túi nilon màu trắng viền đỏ, kích thước (3x6)cm, bên trong không chứa đồ vật gì.

Toàn bộ số vật chứng trên được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa chờ xử lý theo quy định.

- 01 xe mô tô Honda Wave Alpha màu xanh - đen - bạc, BKS 36B8-827.28 do Lê Công T3 sử dụng để mua ma túy, là tài sản hợp pháp của anh Vũ Trọng H, sinh năm 1993, trú tại N, phường N, thành phố T. Lê Công T3 mượn xe của anh Hà đi làm và sau đó sử dụng mua ma túy, anh Hà không biết việc T3 sử dụng xe để mua ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh Hà quản lý, sử dụng ngày 22/10/2022.

Tại bản cáo trạng số 51/CTr -VKSTP ngày 29/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá truy tố các bị cáo Lê Thị L và Phan Mạnh L2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; các bị cáo Trịnh Thị Huyền T4, Lê Công T3, Hà Thành Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử :

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Lê Thị L và Phan Mạnh L2;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Lê Công T3.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Trịnh Thị Huyền T4 và Hà Thành Đ

Đề nghị mức hình phạt các bị cáo như sau:

- Lê Thị L mức án từ 30(Ba mươi) tháng tù đến 36(Ba sáu) tháng tù;
- Phan Mạnh L2 mức án từ 30 (Ba mươi) tháng tù đến 36 (Ba sáu)tháng tù;
- Lê Công T3 mức án từ 21(Hai một) tháng tù đến 27(Hai bảy) tháng tù;
- Trịnh Thị Huyền T4 mức án từ 18 (Mười tám) tháng tù đến 24 (Hai bốn) tháng tù;
- Hà Thành Đ mức án từ 18 (Mười tám) tháng tù đến 24 (Hai bốn) tháng tù;

Về vật chứng đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của các bị cáo còn lại sau giám định; Tịch thu của bị cáo Lê Thị L số tiền 300.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước. Tịch thu số điện thoại gồm: 01 điện thoại di động OPPO A55 của Lê Thị L; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, bên trong lắp sim thuê bao 0942.608.532 của Lê Công T3; 01 điện thoại di động Iphone 6S màu vàng của Trịnh Thị Huyền T4 để sung nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Tại phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên; Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, một lần nữa các bị cáo thừa nhận: Do chơi bời Trịnh Thị Huyền T4, Lê Công T3, Hà Thành Đ đã rủ nhau mua ma túy về để sử dụng. Vào lúc 00 giờ 30 phút, ngày 16/9/2022, tại khu vực trước Đại lộ L, phường L, thành phố T, Lê Công T3, Hà Thành Đ và Trịnh Thị Huyền T4 đã có hành vi đồng phạm trong việc tàng trữ trái phép 0,295gam Methamphetamine, với mục đích để sử dụng thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

Lê Thị L và Phan Mạnh L2 đã có hành vi bán 0,295gam Methamphetamine cho Trịnh Thị Huyền T4, Lê Công T3 và Hà Thành Đ lấy số tiền 300.000 đồng ngoài ra Lê Thị L, Phan Mạnh L2 còn cất giấu 0,227gam Methamphetamine với mục đích bán kiếm lời.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Thị L và Phan Mạnh L2 có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS. Hành vi của các bị cáo Trịnh Thị Huyền T4, Lê Công T3, Hà Thành Đ có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS. Do đó Cơ quan điều tra khởi tố các bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Tệ nạn và tội phạm về ma túy là hiểm họa cho toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến kinh tế, đến sức khỏe con người, là một trong những nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm khác, là tác nhân làm lây lan căn bệnh HIV/AIDS. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giản đơn tuy nhiên cũng cần áp dụng điều 58 BLHS để phân hoá xem xét hành vi của từng bị cáo khi lượng hình:

- Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”: Bị cáo Lê Thị L là người có ma túy, trực tiếp giao dịch việc mua bán ma túy, tiền bán ma túy Lê Thị L hưởng, ngoài số ma túy mà Lê Thị L nói Phan Mạnh L2 bán cho Hà Thành Đ có trọng lượng 0,295 gam loại Methamphetamine thì Lê Thị L và Phan Mạnh L2 còn cất giữ gói ma túy có trọng lượng 0,227 gam loại Methamphetamine nhằm mục đích để bán cho đối tượng nghiện. Nguồn tiền mua ma túy về để bán là của Lê Thị L, tiền bán ma túy Lê Thị L được hưởng, Phan Mạnh L2 không được hưởng gì.

Do vậy Lê Thị L phải chịu trách nhiệm chính trong việc bán ma túy, còn bị cáo Phan Mạnh L2 là đồng phạm với vai trò giúp sức, Phan Mạnh L2 trực tiếp bán ma túy có trọng lượng 0,295 gam loại Methamphetamine cho Hà Thành Đ theo chỉ đạo của L nên bị cáo L2 chịu trách nhiệm sau bị cáo Lê Thị L.

- Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: Lê Công T3 là người đưa tiền cho Trịnh Thị Huyền T4 và Hà Thành Đ để đi mua ma túy, đồng thời T3 đi cùng Hà Thành Đ để mua ma túy. Bị cáo Hà Thành Đ là người trực tiếp chở Lê Công T3 đi mua ma túy, là người trực tiếp giao dịch mua và đưa tiền cho Phan Mạnh L2, còn Trịnh Thị Huyền T4 là người nói Hà Thành Đ đi mua ma túy, Trịnh Thị Huyền T4 trực tiếp gọi điện liên hệ với Lê Thị L để Lê Công T3 và Hà Thành Đ đến mua ma túy. Do vậy Lê Công T3 là người chịu trách nhiệm chính, Hà Thành Đ và Trịnh Thị Huyền T4 đồng phạm với Lê Công T3 với vai trò giúp sức.

Xét tính chất vụ án và hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy và chất ma túy bị nhà nước cấm nhưng bị cáo bị cáo Lê Thị L vẫn mua ma túy về để cùng L2 bán kiếm lời. Các bị cáo Trịnh Thị Huyền T4, Lê Công T3, Hà Thành Đ đã có hành vi mua ma túy tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng.

Hành vi của các bị cáo thể hiện rõ sự xem thường pháp luật. Với tính chất vụ án nghiêm trọng, với hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, việc cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian là cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6]. Về tình tiết tăng nặng:

Trong vụ án này bị cáo Lê Công T3 đã có tiền án chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nghiêm trọng do cố ý nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[8]. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; khoản 1 khoản 2 Điều 106 BLTTHS

Đối với 01 xe mô tô Honda Wave Alpha màu xanh - đen - bạc, BKS 36B8-827.28 do Lê Công T3 sử dụng để mua ma túy, là tài sản hợp pháp của anh Vũ Trọng H, sinh năm 1993, trú tại 123 Nam Sơn, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa. Lê Công T3 mượn xe của anh Hà đi làm và sau đó sử dụng mua ma túy, anh Hà không biết việc T3 sử dụng xe để mua ma túy, nên ngày 22/10/2022 cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh Hà là phù hợp.

Đối với số ma túy thu của các bị cáo là vật cấm tàng trữ, lưu hành, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền Lê Thị L bán ma túy cho các bị cáo T4, Đạt, T3 được 300.000 đồng đây là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu để sung nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số điện thoại gồm: 01 điện thoại di động OPPO A55 của Lê Thị L; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, bên trong lắp sim thuê bao

0942.608.532 của Lê Công T3; 01 điện thoại di động Iphone 6S màu vàng của Trịnh Thị Huyền T4 các bị cáo dung vào việc phạm tội nên tịch thu để sung nộp ngân sách nhà nước.

Toàn bộ vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

[9].Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Lê Thị L và Phan Mạnh L2;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Lê Công T3.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Trịnh Thị Huyền T4 và Hà Thành Đ

Căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS. Khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị L và Phan Mạnh L2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị cáo Trịnh Thị Huyền T4, Lê Công T3, Hà Thành Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Xử phạt:

Bị cáo Lê Thị L 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 16/9/2022 .

Bị cáo Phan Mạnh L2 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 16/9/2022.

Bị cáo Lê Công T3 24 (Hai bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 16/9/2022 .

Bị cáo Trịnh Thị Huyền T4 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Hà Thành Đ 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 16/9/2022.

Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì được đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

-Tịch thu số điện thoại gồm: 01 điện thoại di động OPPO A55 của Lê Thị L; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, bên trong lắp sim thuê bao

0942.608.532 của Lê Công T3; 01 điện thoại di động Iphone 6S màu vàng của Trịnh Thị Huyền T4 để sung nộp ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Lê Thị L số tiền 300.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

(Toàn bộ vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 86/THA ngày 07/02/2023 giữa Công an thành phố Thanh Hóa với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa).

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án khoản tiền án phí và tiền truy thu theo quy định tại Điều 7, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt